

Bản án số: 55/2022/HS-ST
Ngày 25 - 10 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Chính;

Ông Lê T Thành.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N.

- **Đại diện VKS nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Ông Lê Duy Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Vũ Đình Q, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đình H, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1950; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Bùi Thị Nguyệt T, sinh năm 1982 (đã ly hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 24/12/2019, bị Công an xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác, bằng hình thức phạt tiền.

Bị bắt tạm giam từ ngày 21/6/2022, hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N (có mặt)

Bị hại: Anh Lê Hùng C, sinh năm 1977, cư trú tại: Khu dân cư A, phường H, thị xã K, tỉnh H Dương (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Lê Hùng C và bị cáo Vũ Đình Q quen biết nhau đã lâu do giao dịch mua bán cây cảnh, từ năm 2019 đến đầu năm 2022, anh C đã nhiều lần gửi, nhờ Q chăm sóc hộ một số cây cảnh tại vườn nhà Q.

Khoảng đầu tháng 01 năm 2022, anh C có mua của anh Huy T ở thị xã C, tỉnh Tiền G 11 cây Tùng la hán dạng sống đã cắt giật với giá 25.000.000 đồng/01 cây. Sau đó anh C thỏa thuận bán lại cho bị cáo 04 cây (Q được tùy ý chọn 04 cây trong số 11 cây) với giá 25.000.000 đồng/01 cây, khi nào bị cáo bán được cây thì sẽ trả tiền cho anh C, còn lại 07 cây gửi nhờ bị cáo chăm sóc hộ. Ngày 12/01/2022, xe ô tô của anh Huy T chở 11 cây tùng la hán từ tỉnh Tiền G ra bàn giao cho Q tại nhà của Q. Ngay sau khi nhận 11 cây tùng la hán, Q đã bán 02 cây của Q, còn 09 cây tùng la hán, Q để ở vườn nhà mình để chăm sóc. Ngày 14/01/2022, anh C đến nhà Q xem cây và dặn Q chỉ đồng ý bán cây khi có khách mua với giá 55.000.000 đồng/01 cây, nhưng do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân nên Q nảy sinh ý định bán số cây trên của anh C.

Tối ngày 14/01/2022, Q đến nhà anh Nguyễn Văn G và chị Vũ Thị N để ăn uống cùng anh Lê Văn B; trong lúc ăn uống, Q nói dối anh G và anh B là mới mua được lô cây tùng la hán, muốn bán lại. Nghe vậy, anh G và anh B cùng về nhà Q để xem cây, sau khi xem xong thì anh G nói chỉ muốn chọn mua vài cây trong số 09 cây tùng la hán, Q không đồng ý và nói chỉ bán cả 09 cây (gồm 07 cây của anh C và 02 cây của Q) chứ không bán lẻ, do anh G và anh B chưa thống nhất được nên đi về. Sáng ngày 15/01/2022, anh G cùng anh B liên hệ và rủ anh Phan Ngọc Đ cùng nhau góp vốn để mua 09 cây tùng la hán của Q, 03 người thỏa thuận là mỗi người góp 1/3 số tiền để mua cây. Sau đó anh G, anh B cùng chị N (vợ anh G) đến nhà Q xem cây và thỏa thuận giá mua 09 cây tùng la hán với giá 25.000.000 đồng/01cây, tổng giá 09 cây là 225.000.000 đồng. Anh G đặt cọc trước số tiền 100.000.000 đồng cho Q, khi nào thanh toán hết thì sẽ đến lấy cây về. Ngày 17/01/2022, chị N thanh toán số tiền còn lại là 125.000.000 đồng cho Q bằng hình thức chuyển khoản, cùng ngày anh G và anh B đến nhà Q dùng xe cẩu vận chuyển 09 cây tùng la hán về nhà anh G để chăm sóc. Anh G đã thuê thợ sửa lại cây rồi đưa lên chậu và đăng rao bán 09 cây tùng la hán trên mạng xã hội. Anh C cũng quen và kết bạn với anh G trên mạng xã hội nên khi nhìn thấy hình ảnh những cây tùng la hán anh G rao bán, anh C nhận ra đó là số cây của mình. Anh C đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu Q trả lại cho anh 07 cây tùng la hán, nhưng Q chỉ hứa hẹn mà không trả, nên ngày 25/4/2022, anh C làm đơn tố cáo hành vi của Q đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành ghi nhận, đo đạc, chụp ảnh đánh số từ 01– 09, có ghi đặc điểm của từng cây tại vườn nhà anh Nguyễn Văn G và tạm giao cho anh G tiếp tục bảo quản, chăm sóc và làm việc với Q về việc xác định 02 cây tùng la hán của Q trong số 09 cây tùng la hán đã thu giữ: Q xác định cây tùng la hán được đánh số 02 và số 04 là của Q, 07 cây còn lại là của anh Lê Hùng C.

Bản kết luận định giá tài sản số: 14 ngày 01/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N, kết luận: Tài sản được đưa ra định giá tại thời điểm xảy ra vụ việc

có giá tương đương trên thị trường 07 cây Tùng la hán (số thứ tự 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9) như sau:

+ Cây số 01: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,5m, 6 bông tay, tán rộng 1,58m, chu vi gốc 0,53m có giá là 25.000.000 đồng;

+ Cây số 03: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,8m, 7 bông tay, tán rộng 1,77m, chu vi gốc 0,62m có giá là 27.000.000 đồng;

+ Cây số 05: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,7m, 7 bông tay, tán rộng 1,4m, chu vi gốc 0,7m, có giá là 32.000.000 đồng;

+ Cây số 06: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,46m, 7 bông tay, tán rộng 1,3m, chu vi gốc 0,7m, có giá là 29.000.000 đồng;

+ Cây số 07: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,74m, 7 bông tay, tán rộng 1,4m, chu vi gốc 0,6m, có giá là 27.000.000 đồng;

+ Cây số 08: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,55m, 6 bông tay, tán rộng 1,65m, chu vi gốc 0,61m, có giá là 27.000.000 đồng;

+ Cây số 09: Cây tùng la hán dáng trực, cao 1,68m, 8 bông tay, tán rộng 1,6m, chu vi gốc 0,66m, có giá là 29.000.000 đồng.

Tổng giá trị 07 cây là: **196.000.000** đồng.

Quá trình điều tra xác định 07 cây tùng la hán trên là tài sản của anh Lê Hùng C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh C. Anh C đã nhận lại toàn bộ số cây của mình, không yêu cầu bị cáo PH bồi thường thêm khoản tiền nào khác, đồng thời xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Các anh G, B và Đ đã nhận lại số tiền 175.000.000 đồng mua 07 cây tùng la hán của bị cáo, ngoài ra không yêu cầu bị cáo PH bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình.

Cáo trạng số: 53/CT-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Vũ Đình Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Vũ Đình Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- *Về trách nhiệm hình sự:* Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Vũ Đình Q từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tính từ ngày 21/6/2022.

- *Về phần dân sự:* Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên không đặt ra xem xét.

- *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ân hận, có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng; bản kết luận định giá tài sản số: 14/KLĐG ngày 01/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện N và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên Tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 12 tháng 01 năm 2022, thông qua thỏa thuận nhờ chăm sóc cây, anh Lê Hùng C đã giao 07 cây tùng la hán cho Q chăm sóc hộ tại vườn nhà Q. Ngày 17 tháng 01 năm 2022, không được sự đồng ý của anh C, bị cáo đã tự ý bán 07 cây tùng la hán là tài sản của anh C cho các anh G, B, Đ lấy số tiền 175.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. 07 cây tùng la hán bị cáo chiếm đoạt của anh C tại thời điểm xảy ra vụ án có tổng giá trị tương đương trên thị trường là 196.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến an toàn, trật tự công cộng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, gây bất B trong quần chúng nhân dân, bị cáo là người có đủ năng lực pháp luật hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình vi phạm pháp luật nghiêm cấm mà vẫn cố ý phạm tội, nên bị cáo pH chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, các con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bố tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc da cam nên sức khỏe yếu, bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Xét hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo riêng và răn đe phòng ngừa chung, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh C đã nhận lại tài sản, anh không có yêu cầu bị cáo pH bồi thường thêm khoản tiền nào khác, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đối với các anh Nguyễn Văn G, Lê Văn B và Phan Ngọc Đ đã nhận lại 175 triệu đồng tiền mua 07 cây tùng la hán của bị cáo, khi mua các anh không biết đây là tài sản do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không bị xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo pH nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố bị cáo Vũ Đình Q phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Vũ Đình Q 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/6/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Đình Q pH nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- VKS nhân dân huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ + VP.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ánh